

Bản án số: 91/2017/KDTM-ST  
Ngày: 11-7-2017  
V/v “Tranh chấp hợp đồng thi công”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn Quý

2. Ông Nguyễn Văn Bình

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2015/TLST-KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2015 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985

Thường trú: thôn 3, xã C, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh.

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Vy Trọng T, sinh năm 1988, địa chỉ: đường T, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 09/12/2014).

***2. Bị đơn:*** Công ty TNHH E

Trụ sở: 39 đường S, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*** Ông Kim Y, sinh năm 1965, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Kim Y, sinh năm 1965

Tạm trú: đường 2, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Bùi Quang Tr, sinh năm 1985

Địa chỉ: đường 53, phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có mặt, ông Kim Y vắng mặt, ông Tr đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2014 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vy Trọng T trình bày: năm 2013 Công ty TNHH E (sau đây gọi là Công ty E) thuê ông Nguyễn Văn H thực hiện việc lắp ráp thi công công trình Tòa nhà LC Hà Nội với các hạng mục: Thi công sắt hộp, hộp đèn, máng đèn, cửa chống cháy, hai bên thỏa thuận bằng lời nói về giá cả, khối lượng, chất lượng các hạng mục với

tổng giá trị là 2.150.044.029 đồng, mỗi lần hoàn thành các hạng mục hai bên đều lập bảng khối lượng và số tiền phải thanh toán. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thực hiện đầy đủ, đúng theo thỏa thuận giữa hai bên về khối lượng và chất lượng công trình. Công ty E đã thanh toán cho ông H số tiền là 1.892.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 258.044.029 đồng. Ngày 31/10/2014, đã ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ với nội dung Công ty E còn nợ ông H số tiền 258.044.029 đồng và hẹn thanh toán trước ngày 30/11/2014, tại biên bản nêu trên ông Bùi Quang Tr là nhân viên giám sát của công ty E có xác nhận công trình đã hoàn thành và đi vào hoạt động ngày 11/9/2014. Sau đó, ông H nhiều lần yêu cầu Công ty E thanh toán tiền nhưng Công ty E không thực hiện.

Nay ông T đại diện theo ủy quyền của ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty E phải trả cho ông H số tiền 258.044.029 đồng (hai trăm năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn không trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2014 cho đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất 1%/tháng. Ông H yêu cầu Công ty E thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là công ty E: năm 2013 có trụ sở tại đường V, Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Lê Anh T1 là người đại diện theo pháp luật. tại bản khai ngày 28/01/2015 ông T1 trình bày: Do công trình ở Hà Nội nên ông Kim Y là nhân viên của Công ty E trực tiếp làm việc và giao dịch với ông H, do vậy, ông đề nghị Tòa án triệu tập ông Kim Y đến Tòa án làm việc.

Ngày 02/3/2015 Công ty E thay đổi đăng ký kinh doanh về trụ sở tại đường S, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Kim Y.

Tòa án đã triệu tập Công ty E có đại diện theo pháp luật là ông Kim Y nhưng bị đơn không trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang Tr trình bày: ông là nhân viên của công ty E, với chức danh giám sát công trình. Khoảng 8 năm 2013, Công ty E thuê ông Nguyễn Văn H thi công công trình Tòa nhà LC Hà Nội với các hạng mục như nguyên đơn đã trình bày. Ông Tr là người trực tiếp giám sát kỹ thuật, sắp xếp vật tư, tính toán khối lượng các hạng mục cơ khí công trình, còn về đơn giá và thanh toán cho ông H do ông Kim Y trực tiếp làm việc. Quá trình thực hiện ông H đã hoàn thành hạng mục về chất lượng và khối lượng như thỏa thuận. Ngày 31/10/2014, Công ty E, ông H và ông đã ký biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ với nội dung công ty E còn nợ ông H số tiền 258.044.029 đồng và hẹn thanh toán trước ngày 30/11/2014, tại biên bản ông xác nhận công trình đã hoàn hành và đi vào hoạt động từ ngày 11/9/2014 nhưng Công ty E vẫn không thực hiện như cam kết, ông đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án và ông có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Kim Y không trình bày ý kiến.

Tòa án đã triệu tập các đương sự đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên chỉ có ông Thành đại diện nguyên đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quang Tr có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, phía bị đơn công ty E và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Kim Y vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự hợp lệ nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Vy Trọng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty E phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 258.044.029 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2014 cho đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất 1%/tháng là 80.939.801 đồng, tổng cộng là 338.983.830 đồng, yêu cầu Công ty E thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH E vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Y vắng mặt, ông Bùi Quang Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

-Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện Công ty E về việc “tranh chấp hợp đồng thi công”. Do Công ty E có trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời hiệu: Ngày 31/10/2014 Công ty E và ông H lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ với nội dung công ty E sẽ thanh toán trước ngày 30/11/2014 nhưng không thực hiện nên ngày 09/12/2015 ông H khởi kiện Công ty E là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại năm 2015.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do ông Bùi Quang Tr và ông Kim Y là người ký tên trên các bảng xác nhận khối lượng và biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ nên Tòa án đưa ông Bùi Quang Tr và ông Kim Y vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn là Công ty E có ông Kim Y đại diện theo pháp luật vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Kim Y vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về yêu cầu của đương sự: ông T đại diện cho ông H yêu cầu Công ty E thanh toán số tiền: 258.044.029 đồng (hai trăm năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn không trăm hai mươi chín đồng). Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cũng như tại biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/10/2014 giữa công ty E và ông Nguyễn Văn H

thì có đủ cơ sở xác định Công ty E còn nợ ông Nguyễn Văn H số tiền là 258.044.029 đồng (hai trăm năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn không trăm hai mươi chín đồng) nên yêu cầu của đại diện nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 30/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 11/7/2017) theo mức lãi suất 1%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/10/2014 các bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ trước ngày 30/11/2014 tuy nhiên công ty E không thực hiện. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì: “trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Tại thời điểm xét xử mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 1,125%/tháng, ông T yêu cầu công ty E thanh toán tiền lãi 1%/tháng thấp hơn mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi tính từ ngày 30/11/2014 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 11/7/2017) là 31 tháng 11 ngày với mức lãi suất 1%/tháng:

Tiền lãi được tính như sau: 258.044.029 đồng x 31 tháng 11 ngày x 1%/1 tháng = 80.939.801 đồng.

Tổng cộng, Công ty E phải trả cho ông H số tiền 258.044.029 đồng + 80.939.801 đồng = 338.983.830 đồng (ba trăm ba mươi tám triệu chín trăm tám mươi ba ngàn tám trăm ba mươi đồng).

Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay ông T đại diện cho ông H yêu cầu Công ty E phải trả tiền cho ông H ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự thỏa thuận về thời hạn trả nợ là trước ngày 30/11/2014 nhưng đến nay chưa thực hiện là vi phạm nghĩa vụ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, do vậy ông T yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Công ty TNHH E phải thanh toán tiền cho ông Nguyễn Văn H nên phải nộp tiền án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án là 16.949.192 đồng.

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 6.452.954 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng) cho ông H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2014/0003285 ngày 06/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 306, 319 Luật thương mại năm 2005;
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH E có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền: 258.044.029 đồng và tiền lãi: 80.939.801 đồng, tổng cộng là 338.983.830 đồng (ba trăm ba mươi tám triệu chín trăm tám mươi ba ngàn tám trăm ba mươi đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH E chậm thanh toán các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH E phải trả lãi chậm trả cho ông H theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH E phải nộp tiền án phí là 16.949.192 đồng (mười sáu triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn một trăm chín mươi hai đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 6.452.954 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng) cho ông Nguyễn Văn H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: AB/2014/0003285 ngày 06/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH E, ông Kim Y, ông Bùi Quang Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Lan Hương**